

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỪ "ĐI", "RỜI", "ĐẾN"

TRỊNH ĐỨC HIỀN

1. Trong tiếng Việt có một sự biểu thị sự chuyển dời từ nơi này đến nơi khác như: đi, đến, ra, vào, lên, xuống, sang, qua, về, lại, tới.

Về những từ này, xưa nay các nhà Việt ngữ có nhiều ý kiến khác nhau, tùy theo mục đích và phương pháp nghiên cứu. Chẳng hạn Nguyễn Kim Thành cho đó là các *hư từ* để biểu thị phạm trù phương; nhưng trái lại, Nguyễn Lân lại xem đó là *thực từ* <sup>(1)</sup>.

Bài viết này không đi sâu vào tìm hiểu tất cả các từ trên, mà chỉ đi sâu nghiên cứu sự hoạt động của ba từ "đi", "rời", "đến" ở góc độ chúng là những *thực từ*. Nói một cách cụ thể hơn, ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu sự hoạt động của hai động từ tạm gọi là tiêu biểu cho hai quá trình của một hoạt động chuyển dời từ *điểm xuất phát* tới *điểm đến*. Đó là hai động từ "rời" và "đến". Tuy nhiên, tìm hiểu sự hoạt động của hai động từ "rời" và "đến" không thể tách rời động từ "đi". Bởi vì "đi" là từ mang nghĩa chung, bao hàm cả "rời" và "đến". Mặt khác, việc tìm hiểu mối quan hệ giữa "đi" với "rời" và "đi" với "đến" còn có thể tìm ra những nét riêng biệt của các động từ này trong việc kết hợp với các từ chỉ địa điểm và các đại từ chỉ định xác định vị trí.

2. "Đi" là chỉ một hoạt động chuyển dời từ nơi này đến nơi khác bằng chân hoặc bằng một phương tiện giao thông nào đó <sup>(2)</sup>. Nhưng khi đặt trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, "đi" lại có những giá trị ngữ nghĩa khác nhau.

1) Về mối quan hệ giữa "đi" và "đến".

Xét trường hợp sau: Giả sử có một người nói: "Tôi sẽ *đến* Hà Nội"

Về câu này có 4 cách hỏi:

- 1- Bao giờ anh *đến*?
- 2- Bao giờ anh *đến* Hà Nội?
- 3- Bao giờ anh *đi*?
- 4- Bao giờ anh *đi* Hà Nội?

Trong 4 câu trên, có thể mức độ sử dụng nhiều ít khác nhau, nhưng nhìn chung không sai về nội dung câu hỏi. Như vậy ở đây nghĩa của động từ "đi" trùng với nghĩa của động từ "đến". Nói cách khác, có thể thay thế "đến" bằng "đi" mà ý nghĩa của câu không thay đổi.

2) Về mối quan hệ giữa "đi" và "rời"

Xét trường hợp sau: Có một người nói: "Tôi sẽ *rời* Hà Nội".

Đối với câu này có ba cách hỏi mà ý nghĩa của câu không thay đổi:

1- Bao giờ anh rời ?

2- Bao giờ anh rời Hà Nội ?

3- Bao giờ anh đi ?

Nhưng trường hợp này lại không thể hỏi:

4- Bao giờ anh đi Hà Nội?

Về câu hỏi (1) và (2), trong cả hai trường hợp trên, ta không cần bàn thêm, chính vì khái niệm "rời" và "đến" đã rõ ràng. Ở câu hỏi (3) "đi" được dùng để thay thế cho cả "đến" và "rời". Sở dĩ như vậy là vì:

1) Như đã nói ở trên, động từ "đi" chỉ một hành động chuyển dời từ nơi này đến nơi khác trong đó bao hàm cả động từ "đến" và động từ "rời".

2) Trong những hoàn cảnh nói năng cụ thể ấy, người hỏi đã biết địa điểm người nói muốn "đến" hoặc muốn "rời" nên không nhắc lại địa điểm ấy nữa.

Ở câu hỏi (4), vấn đề đặt ra là tại sao trường hợp "đi" thay "đến" thì đúng mà "đi" thay "rời" lại không được? Rõ ràng ở câu này chính sự xuất hiện của từ chỉ địa điểm (Hà Nội) đã chi phối ý nghĩa của câu hỏi. Trường hợp "đi" thay thế "đến" để biểu thị hành động đến một nơi nào đó không nhất thiết phải thêm vào sau "đi" một từ nào khác. Nhưng khi "đi" thay thế cho "rời" thì sau "đi" phải có phó từ khởi đề thành: "Bao giờ anh đi khỏi Hà Nội?". Có như vậy "đi" mới làm trọn chức năng thay thế cho "rời" để diễn tả hoạt động "rời" một địa điểm này đến một địa điểm khác. (Tất nhiên vẫn có thể nói: "Bao giờ anh rời khỏi Hà Nội?")

3. Trên đây chúng tôi đã đề cập đến vai trò của từ chỉ địa điểm trong việc xác định nội dung của thông báo. Phần tiếp theo sẽ tìm hiểu khả năng kết hợp của các động từ "đi", "rời", "đến" với nhóm từ "đây, kia, đấy, đó, này, ấy"

1) Về nhóm từ "đây, kia, đấy, đó, này, ấy" xưa nay các nhà nghiên cứu thường gọi là các đại từ chỉ định.

Trong một bài nghiên cứu, hai tác giả Nguyễn Anh Quế và Lê Ngọc Luyện (5, 31-35) có trở lại vấn đề này.

Về nhóm từ trên, các tác giả này chia thành hai nhóm:

- Nhóm X1, gồm các từ: "đấy, đây, kia" có giá trị ngữ nghĩa là xác định vị trí.

- Nhóm X2, gồm các từ: "này, kia, ấy", có hai giá trị ngữ nghĩa: a) Xác định về loại (trong chùng) của sự vật; b) Xác định về vị trí của sự vật đó.

Như vậy là cả 2 nhóm X1 và X2 đều mang giá trị ngữ nghĩa là xác định vị trí. Ngoài ra các tác giả còn vạch ra giá trị ngữ nghĩa của mỗi từ trong hệ thống định vị và sự tương quan khá chặt chẽ, có tính chất hệ thống của chúng.

Có thể tóm tắt như sau:

a) Về nhóm X1:

+ "Đây" : biểu thị vị trí gần người nói (vị trí 1)

+ "Đấy" (đó), "kia" : biểu thị vị trí xa người nói; Nhưng "đấy" biểu thị vị trí xa người nói nhưng gần người nghe (vị trí 2)

+ "Kia" : biểu thị vị trí vừa xa người nói vừa xa người nghe (vị trí 3)

b) Về nhóm X2:

- + "Này" : biểu thị sự vật gần người nói (vị trí 1)
- + "Ấy" : biểu thị sự vật xa người nói nhưng gần người nghe (vị trí 2)
- + "Kia" : biểu thị sự vật vừa xa người nói vừa xa người nghe (vị trí 3)

Về cơ bản chúng tôi đồng ý với cách phân chia và lý giải của tác giả trên đây. Nhưng theo chúng tôi, để hiểu các khái niệm "đây, kia, đấy, đó, này, ấy" một cách đầy đủ hơn, thiết tưởng cần chú ý chi tiết hơn nữa đến khoảng cách giữa người nói với người nghe. Có như vậy mới đề cập đến tất cả các trường hợp có thể xuất hiện với các từ "đây, kia, đấy, đó, này, ấy".

Trước hết ta quy ước: A: Người nói; B: người nghe; X: Vị trí của người nói (vị trí số 1); Y: Vị trí của người nghe (vị trí 2); Z: vị trí được nói đến (vị trí 3)

Xét hai trường hợp:

a) Có khoảng cách giữa A và B (A và B ở khác vị trí).

- X (Vị trí 1) gọi là "đây", ("này").<sup>(3)</sup>
- Y (Vị trí 2) gọi là "đó", "đấy", ("ấy"), "kia".
- Z (vị trí 3) gọi là "đó", "đấy", ("ấy"), "kia".

b) Không có khoảng cách giữa A và B (A và B ở cùng vị trí).

- X (Vị trí 1) gọi là "đây", ("này").
- Z (vị trí 3) gọi là "đó", "đấy", ("ấy"), "kia".

Tóm lại, ta có:

- + "Đây", ("này") - Vị trí gần người nói (vị trí 1, trường hợp (a)).
- Vị trí gần cả người nói lẫn người nghe (vị trí 1, trường hợp (b))
- + "Đó", "đấy", ("ấy") - Vị trí xa người nói nhưng gần người nghe (vị trí 2, trường hợp (a))
- Vị trí xa cả người nói lẫn người nghe (vị trí 3, trường hợp (a) và (b)).
- + "Kia" - Vị trí xa cả người nói lẫn người nghe (vị trí 3, trường hợp (a) và (b)).

2) Về khả năng kết hợp của các động từ "đi", "rời", "đến" với nhóm đại từ chỉ định xác định vị trí "đây, kia, đấy, đó, này, ấy":

Trong tiếng Việt, khi các động từ nói trên kết hợp với các danh từ chỉ địa điểm sẽ tạo ra một thông báo rõ ràng, dễ hiểu. Chẳng hạn:

- Anh ấy đi Hải Phòng.
- Chúng tôi đến thành phố Hồ Chí Minh.
- Cô ấy rời Hà Nội.

Tuy nhiên, khi các động từ đó kết hợp với các đại từ chỉ định "đây, kia, đấy, đó, này, ấy" thì vấn đề không đơn giản và dễ dàng như vậy. Và ngay trong số các từ này cũng có thể phân ra thành hai nhóm nhỏ:

- + Nhóm 1, gồm các từ : "đây, kia, đấy, đó".
- + Nhóm 2, gồm các từ : "này, ấy".

a) Trong tiếng Việt, nhóm "đây, kia, đấy, đó" là những từ có khả năng đứng độc lập để thay thế cho một danh từ riêng chỉ địa điểm (như Hà Nội, Hải Phòng...)

Chẳng hạn :

- Tuần trước tôi đã đến đó (Hải Phòng)

- Họ đến *đấy* (Hà Nội) để tham quan.

- Anh ấy vừa rời *đây* (Huế) hôm qua.

Đối với hai động từ "rời" và "đến", xét về góc độ ngữ nghĩa đã khá rõ ràng và cụ thể. Còn với động từ "đi", khi kết hợp với các đại từ chỉ định thuộc nhóm (1) trên đây, nếu không đặt trong một hoàn cảnh cụ thể, cũng dễ gây mơ hồ, không chính xác về nội dung thông báo. Chẳng hạn, người ta không nói hoặc ít nói những câu sau:

- Tôi đi *kia* một lát.

- Bà ta đi *đó* có việc<sup>(4)</sup>.

Có hiện tượng như trên, là vì:

1) Về các động từ, như đã phân tích ở trên, so với các động từ "rời" và "đến" thì động từ "đi" chỉ một hoạt động có tính chất chung, trừu tượng; vì vậy chỉ có thể xác định rõ nghĩa trong những trường hợp cụ thể.

2) Về các đại từ chỉ định "đây, kia, đấy, đó" : bản thân những từ này cũng có tính chất quy ước trong từng trường hợp cụ thể (như đã trình bày ở trên); vì vậy, về nghĩa, không phải lúc nào cũng rõ ràng chính xác.

b) Khác với các từ "đây, kia, đấy, đó" có khả năng đứng độc lập, thay thế cho một danh từ riêng chỉ địa điểm, các đại từ chỉ định "này, ấy" khi giữ chức năng xác định vị trí không thể đứng độc lập được, mà thường đi kèm với một danh từ chỉ địa điểm để xác định cho danh từ ấy.

Chẳng hạn : + có thể nói: - Cô Lan đến *phố này* rồi.

- Anh Hà rời *làng ấy* tuần trước.

+ Không thể nói : - Họ đã đến *này*.

- Chị Bích rời *ấy* năm ngoái.

Ở hai câu trên, các đại từ chỉ định "này" và "ấy" chỉ có tác dụng làm rõ nghĩa cho các danh từ "phố" và "làng" thành "phố này", "làng ấy". Và cả cụm từ "Phố này" hoặc "làng ấy" mới đủ tư cách để chỉ *điểm đến* của quá trình vận động.

## CHÚ THÍCH

(1) Nguyễn Kim Thán, *N/c về ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học. H. 1963, tr. 265. Nguyễn Lân, *Ngữ pháp Việt Nam*, H. 1956.

(2) Nguyễn Lai trong bài "Thử xác định ranh giới và sự chuyển hóa giữa nét nghĩa động tác và nét nghĩa hướng của từ đi trong tiếng Việt hiện đại" - *Ngôn ngữ*, số 2 - 1981, tr. 53 - 57 đã phân biệt đi mang sắc thái động tác và đi mang sắc thái hướng. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xét đi mang sắc thái động tác.

(3) Những từ như "này", "ấy" khi dùng thường đứng sau một danh từ; chẳng hạn: chỗ này, nơi ấy ... Chúng tôi sẽ phân tích kỹ ở phần sau.

(4) Trong thực tế có nhiều trường hợp các từ "đây, kia, đấy, đó" đi kèm với một danh từ chỉ địa điểm để xác định cho các danh từ ấy như: Nơi ấy, chỗ đấy, phố đó, làng kia... Nhưng đây không phải là vấn đề mà bài này muốn đề cập đến.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lai. Thử xác định ranh giới và sự chuyển hóa giữa nét nghĩa động tác và nét nghĩa hướng của từ đi trong tiếng Việt hiện đại. Ngôn ngữ, 1981, số 2.
2. Nguyễn Lai, nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt. Tủ sách Trường ĐHTT, Hà Nội, 1990.
3. Nguyễn Lân, Ngữ pháp Việt Nam. H, 1956.
4. Bùi Phụng (chủ biên). Tiếng Việt cho người nước ngoài. Learning modern spoken Vietnamese. In lần thứ hai, NXB Giáo dục, H, 1992.
5. Nguyễn Anh Quế. Lê Ngọc Luyện. Về nhóm đại từ chỉ định trong tiếng Việt hiện đại. HNKH Khoa tiếng Việt. ĐHTH Hà Nội, 1981
6. Nguyễn Anh Quế, Hư từ trong tiếng Việt hiện đại. NXB KHXH, H, 1988.
7. Nguyễn Kim Thán. Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt. Tập I. NXB Khoa Học, H, 1963.

### ACTIVITIES OF VIETNAMESE WORDS "ĐI", "RỜI", "ĐẾN"

Trịnh Đức Hiền

The article studies the activities of Vietnamese words ĐI, RỜI, ĐẾN as substantives. In particular, RỜI and ĐẾN are words showing two actions from point of departure to point of destination. The author also studies the relations between ĐI and RỜI, ĐI and ĐẾN to find the characteristics of these words about the ability for combining words of place and demonstrative pronouns in Vietnamese such as NÀY, KIA, ĐẤY, ĐÓ.